

Số ~~37~~ /TTr-STNMT

Điện Biên, ngày 18 tháng 12 năm 2019

TỜ TRÌNH

Đề nghị thẩm định Phương án giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đối với thửa đất của Viễn thông Điện Biên - Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam tại địa bàn tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

Kính gửi: Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 1 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc cho phép gia hạn sử dụng đất thuê của Viễn thông Điện Biên - Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam tại địa bàn tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

Sở Tài nguyên và Môi trường trình Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh thẩm định giá đất cụ thể như sau:

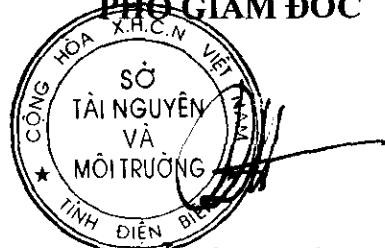
Giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm cho thửa đất của Viễn thông Điện Biên - Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam thuê tại tổ 10, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ là 20.872.000 đồng/m²;

Đề nghị Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh thẩm định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo sở;
- Lưu: VT, CCQLDD, TTPTQĐ.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đăng Nam

Điện Biên, ngày tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO THUYẾT MINH

Phương án giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đối với thửa đất của Viễn thông Điện Biên - Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam tại địa bàn tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

(Kèm theo tờ trình số 37/STTr-STNMT ngày 18 tháng 12 năm 2019 của STNMT)

1. Các căn cứ xác định giá đất

Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về giá đất;

Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc cho phép gia hạn sử dụng đất thuê của Viễn thông Điện Biên - Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam tại địa bàn tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

Báo cáo số 109/BC-TTPTQĐ ngày 9/12/2019 của Trung tâm Phát triển quỹ đất.

2. Mục đích xác định giá đất và các thông tin về thửa đất cần định giá.

2.1. Mục đích định giá đất cụ thể:

Xác định giá cụ thể để xác định đơn giá cho thuê đất, thu tiền thuê đất hàng năm.

2.2. Thông tin về thửa đất cần định giá và tính pháp lý.

a) Thông tin về thửa đất cần định giá:

- Thửa đất của Viễn thông Điện Biên thuê thuộc địa bàn tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ. Vị trí thửa đất nằm ở khu vực trung tâm thành phố, bám trục giao thông chính đường Võ Nguyên Giáp, dân cư đông đúc, thuận tiện về các điều kiện hạ tầng, giao thông, giao lưu hàng hóa và kinh doanh thương mại, dịch vụ;

Thửa đất bám vị trí 1 mặt đường Võ Nguyên Giáp “đoạn từ ngã ba Hải Quan đến hết cầu trắng (*giáp địa phận phường Nam Thanh*)” có các mặt tiếp giáp như sau (Phía Bắc giáp Sở Tài chính; Phía Nam giáp Bưu điện tỉnh Điện Biên; Phía Đông giáp đường Võ Nguyên Giáp; Phía Tây giáp Bưu điện tỉnh Điện Biên);

Diện tích đất thuê đất là: 889,2 m²; Loại đất cần định giá cụ thể để tính tiền thuê đất hàng năm là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị, vị trí 1.

b) Tính pháp lý của thửa đất cần định giá:

Thửa đất Viễn thông Điện Biên thuê đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp GCN CT00627, cấp ngày 04/10/2011.

3. Đánh giá tình hình và kết quả điều tra, tổng hợp thông tin về giá đất thị trường.

3.1. Kết quả điều tra:

Tổng số phiếu điều tra đối với 01 loại đất ở tại đô thị là 03 phiếu. Vị trí của các thửa đất điều tra là vị trí 1.

3.2. Tổng hợp thông tin:

- Đối với đất thương mại, dịch vụ tại đô thị trong quá trình điều tra, khảo sát không có các giao dịch thành công trên thị trường đối loại đất này, do vậy điều tra, khảo sát đối với đất ở đô thị làm cơ sở xác định giá đất thương mại, dịch vụ;

- Đất ở tại đô thị:

ST T	Bên chuyển nhượng	Bên nhận chuyển nhượng	Diện tích (m ²)	Giá trị chuyển nhượng trên hợp đồng (Đồng)	Giá trị chuyển nhượng điều tra thực tế (đồng)	Thời điểm chuyển nhượng
1	Nguyễn Thị Nguyên	Hoàng Thị Nga - Nguyễn Xuân Thản	67,1	500.000.000	1.400.000.000	3/2018
2	Nguyễn Đức Trọng - Trần Thị Bình	Vũ Thị Minh Nhật - Phan Thanh Bình	87,5	600.000.000	1.880.000.000	02 /2018
3	Đinh Thị Thơm - Trần Trọng Khang	Trần Thị Loan - Nguyễn Duy Tuyền	80,0	1.000.000.000	2.000.000.000	7 /2018

4. Áp dụng phương pháp định giá đất.

- Đối với đất ở: áp dụng phương pháp so sánh trực tiếp.

- Đối với đất thương mại, dịch vụ tại đô thị: Trên cơ sở xác định được giá đất cụ thể của đất ở tại đô thị và căn cứ vào bảng 3, phụ lục 3 của Bảng giá đất tại Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh Điện Biên để xác định như sau:

Đất thương mại, dịch vụ tại đô thị: mức giá đất của từng khu vực, đường phố, từng vị trí bằng (=) 80% giá đất ở theo từng khu vực, từng đường phố, từng vị trí tương ứng.

5. Kết quả xác định giá đất và đề xuất phương án giá đất cụ thể.

5.1. Kết quả xác định giá đất:

Khảo sát thị trường thu thập được các thông tin:

- Thửa đất cần định giá là thửa đất số 148, TĐĐ 8 của Viễn thông Điện Biên - Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam tại địa bàn tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ là đất đô thị đường Võ Nguyên Giáp “Đoạn từ ngã ba Hải Quan đến hết cầu trắng (Giáp địa phận phường Nam Thanh)”, vị trí 1. Ký hiệu là thửa đất cần định giá A;

- Thửa đất so sánh B là thửa đất số 230 tờ bản đồ số 59, tổ 7 phường Nam Thanh, vị trí 1 đường Võ Nguyên Giáp “ đoạn còn lại đến hết địa phận thành

phố (đến cầu bản Ten)” (giao dịch thành công tháng 3 năm 2018). Ký hiệu là thửa đất SSB;

- Thửa đất so sánh C là thửa đất số 29 tờ bản đồ số 49, tổ 8 phường Nam Thanh, vị trí 1 đường Võ Nguyên Giáp “đoạn từ cầu trắng (giáp phường Mường Thanh) đến đường vào trụ sở Công ty Khoáng sản, đối diện bên kia đường đến hết số nhà 35 (Ông Đinh Văn Tấn)” (giao dịch thành công tháng 2 năm 2018). Ký hiệu là thửa đất SSC;

- Thửa đất so sánh D là thửa đất số 25 tờ bản đồ số 5 (bản đồ lập năm 2010) phường Tân Thanh, vị trí 1 đường Võ Nguyên Giáp “Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh đối diện bên kia đường tiếp giáp đất SN 650 (ông Nguyễn Văn Tân) đến đường khu liên hiệp TTTDTT tỉnh, đối diện sang bên kia đường hết đất SN 471” (giao dịch thành công tháng 7 năm 2018). Ký hiệu là thửa đất SSD;

Bảng thông tin thu thập cụ thể:

TT	ĐẶC ĐIỂM BĐS	Thửa đất cần định giá A	Thửa đất SS B	Thửa đất SS C	Thửa đất SS D
1	Địa chỉ	Phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Tổ 7, phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Tổ 8, phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Tổ dân phố 1, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên
2	Nguồn tin	Viễn thông Điện Biên	Hoàng Thị Nga - xã Thanh An	Vũ Thị Minh Nhật - Tổ 8 Nam Thanh	Trần Thị Loan - Tổ 11 - Mường Thanh
3	Mục đích sử dụng		Đất ở tại đô thị	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại đô thị

4	Vị trí	Trung tâm thành phố, xa trường học, bệnh viện, chợ, tập trung đông dân cư, thuận lợi kinh doanh, thương mại và dịch vụ	Xa trung tâm thành phố, gần trường học, xa chợ, bệnh viện, tập trung đông dân cư, thuận lợi kinh doanh, thương mại và dịch vụ	Xa trung tâm thành phố, xa trường học, bệnh viện, chợ, tập trung đông dân cư, thuận lợi kinh doanh, thương mại và dịch vụ	Xa trung tâm thành phố, xa trường học, bệnh viện, gần chợ, tập trung đông dân cư, thuận lợi kinh doanh, thương mại và dịch vụ
5	Giao thông	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp. Bề rộng mặt cắt Đường 32m	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp. Bề rộng mặt cắt Đường 32m	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp. Bề rộng mặt cắt Đường 32m	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp. Bề rộng mặt cắt Đường 32m
6	Thời điểm chuyển nhượng		Tháng 3 năm 2018	Tháng 2 năm 2018	Tháng 7 năm 2018
7	Hình dạng	Hình chữ nhật vuông vức	Hình chữ Nhật vuông vức	Hình chữ Nhật vuông vức	Hình chữ Nhật vuông vức
	Diện tích, kích thước				
	Diện tích đất (m²)	889,2	67,1	87,5	80,0
	Mặt tiền (m)	19,00	4,90	3,50	4,00
	Chiều sâu (m)	46,80	13,69	25,00	20,00
9	Tài sản trên đất		Không có	Không có	Không có
10	Tình trạng pháp lý về quyền sử dụng đất	Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
11	Các yếu tố hạ tầng				
	Hệ thống thoát nước thải, vỉa hè.	Tốt	Bình thường	Bình thường	Tốt

12	Giá trị đất chuyên nhượng thực tế (đồng)	<i>Cần xác định</i>	1.400.000.000	1.880.000.000	2.000.000.000
12	Giá đất chuyên nhượng thực tế (đồng/m²)	<i>Cần xác định</i>	20.864.382	21.485.714	25.000.000

Điều chỉnh mức giá do các yếu tố khác biệt của các thửa đất so sánh với thửa đất cần định giá

- Yếu tố vị trí:

Thửa đất A (gần trung tâm thành phố, xa trường học, bệnh viện, chợ, tập trung đông dân cư, thuận lợi kinh doanh, thương mại và dịch vụ) lợi thế hơn thửa đất so sánh B (xa trung tâm thành phố, gần trường học, xa chợ, bệnh viện, tập trung đông dân cư, thuận lợi kinh doanh, thương mại và dịch vụ) là 5% , hơn thửa đất so sánh C (xa trung tâm thành phố, xa trường học, bệnh viện, chợ, tập trung đông dân cư, thuận lợi kinh doanh, thương mại và dịch vụ) là 10%, hơn thửa đất so sánh D (xa trung tâm thành phố, xa trường học, bệnh viện, gần chợ, tập trung đông dân cư, thuận lợi kinh doanh, thương mại và dịch vụ) là 5%;

Nếu coi thửa đất cần định giá A là 100% thì các thửa đất so sánh B, C, D lần lượt là 95%; 90%; 95%.

Tỷ lệ điều chỉnh của thửa đất so sánh B, D là:

$$\frac{100\% - 95\%}{95\%} = 5,26\%$$

Tỷ lệ điều chỉnh của thửa đất so sánh C là:

$$\frac{100\% - 90\%}{90\%} = 11,11\%$$

- Yếu tố về diện tích, kích thước:

+ Thửa đất A (có kích thước mặt tiền là 19m) hơn thửa đất B (có kích thước mặt tiền 4,9m) là 7%; hơn thửa đất C (có kích thước mặt tiền 3,5m) là 9%; hơn thửa đất D (có kích thước mặt tiền 4,0m) là 8%;

+ Thửa đất A (có chiều sâu là 46,8m) kém thửa đất B (có chiều sâu là 13,69m) là 7%; kém thửa đất C (có chiều sâu là 25m) là 5%; kém thửa đất D (có chiều sâu là 20m) là 6%;

Nếu coi thửa đất cần định giá A là 100% thì các thửa đất so sánh B, C, D là: 100%; 96%; 98%

Tỷ lệ điều chỉnh của thửa đất so sánh C là:

$$\frac{100\% - 96\%}{96\%} = 4,17\%$$

Tỷ lệ điều chỉnh của thửa đất so sánh D là:

$$\frac{100\% - 98\%}{98\%} = 2,04\%$$

- Yếu tố về hạ tầng:

+ Thửa đất A bằng thửa đất D (có hệ thống thoát nước thải, vỉa hè tốt) hơn thửa đất B và C (có hệ thống thoát nước thải, vỉa hè bình thường) là 10%;

Nếu coi thửa đất cần định giá A là 100% thì các thửa đất so sánh B, C, D là: 90%; 90%; 100%

Tỷ lệ điều chỉnh của thửa đất so sánh B và C là:

$$\frac{100\% - 90\%}{90\%} = 11,11\%$$

Điều chỉnh các yếu tố khác biệt:

II. PHÂN TÍCH, SO SÁNH, ĐIỀU CHỈNH MỨC GIÁ					
TT	YẾU TỐ SO SÁNH	Thửa đất cần định giá A	Thửa đất SS B	Thửa đất SS C	Thửa đất SS D
1	Diện tích (m²)	889,2	67,1	87,5	80,0

2	Giá trị đất chuyển nhượng đưa về tại thời điểm xác định tháng 11 năm 2019 (đồng)	<i>Cần xác định</i>	1.400.000.000	1.880.000.000	2.000.000.000
3	Giá đất chuyển nhượng đưa về tại thời điểm xác định tháng 11 năm 2019 (đồng/m²)	<i>Cần xác định</i>	20.864.382	21.485.714	25.000.000
4	Điều chỉnh các yếu tố so sánh				
4.1	Vị trí	Trung tâm thành phố, xa trường học, bệnh viện, chợ, tập trung đông dân cư, thuận lợi kinh doanh, thương mại và dịch vụ	Xa trung tâm thành phố, gần trường học, xa chợ, bệnh viện, tập trung đông dân cư, thuận lợi kinh doanh, thương mại và dịch vụ	Xa trung tâm thành phố, xa trường học, bệnh viện, chợ, tập trung đông dân cư, thuận lợi kinh doanh, thương mại và dịch vụ	Xa trung tâm thành phố, xa trường học, bệnh viện, gần chợ, tập trung đông dân cư, thuận lợi kinh doanh, thương mại và dịch vụ
	Tỷ lệ	100%	95%	90%	95%
	<i>Tỷ lệ điều chỉnh (%)</i>		5,26%	11,11%	5,26%
	<i>Mức điều chỉnh (đồng/m²)</i>		1.098.125,34	2.387.301,59	1.315.789,47
4.2	Giao thông	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp. Bề rộng mặt cắt Đường 32m	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp. Bề rộng mặt cắt Đường 32m	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp. Bề rộng mặt cắt Đường 32m	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp. Bề rộng mặt cắt Đường 32m
	Tỷ lệ	100%	100%	100%	100%
	<i>Tỷ lệ điều chỉnh (%)</i>		0,00%	0,00%	0,00%

	<i>Mức điều chỉnh (đồng/m²)</i>		0,00	0,00	0,00
4.3	Hình dạng	Hình chữ nhật vuông vức	Hình chữ Nhật vuông vức	Hình chữ Nhật vuông vức	Hình chữ Nhật vuông vức
	Tỷ lệ	100%	100%	100%	100%
	<i>Tỷ lệ điều chỉnh (%)</i>		0,00%	0,00%	0,00%
	<i>Mức điều chỉnh (đồng/m²)</i>		0,00	0,00	0,00
4.4	Diện tích, kích thước	889,2	67,1	87,5	80,0
	Mặt tiền (m)	19,00	4,90	3,50	4,00
	Chiều sâu (m)	46,80	13,69	25,00	20,00
	Tỷ lệ	100%	100%	96%	98%
	<i>Tỷ lệ điều chỉnh (%)</i>		0,00%	4,17%	2,04%
	<i>Mức điều chỉnh (đồng/m²)</i>		0,00	895.238,10	510.204,08
4.5	<i>Yếu tố hạ tầng</i>				
	<i>Hệ thống thoát nước thải, vỉa hè.</i>	Tốt	Bình thường	Bình thường	Tốt
	Tỷ lệ	100%	90%	90%	100%
	<i>Tỷ lệ điều chỉnh (%)</i>		11,11%	11,11%	0,00%
	<i>Mức điều chỉnh (đồng/m²)</i>		2.318.264,61	2.387.301,59	0,00
	Giá đất ước tính của thửa đất cần định giá theo từng thửa đất so sánh (đồng/m²)	26.087.440	24.280.771	27.155.556	26.825.994
	<i>Tỷ lệ điều chỉnh chung (%)</i>		7,44%	-3,93%	-2,75%

Giá đất lấy tròn(đồng/m ²)	26.090.000		
--	------------	--	--

- Giá đất của thửa đất A bảo đảm chênh lệch với các giá đất ước tính không quá 10%;

Kết luận: Giá đất cụ thể của thửa đất cần định giá A là 26.090.000 đồng/m²(So sánh giá đất điều tra với giá đất tại Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Điện Biên là 16.200.000 đồng/m²), tăng lên 61%.

- Đối với đất thương mại, dịch vụ tại đô thị: Trên cơ sở xác định được giá đất cụ thể của đất ở tại đô thị và căn cứ vào bảng 3, phụ lục 3 của Bảng giá đất tại Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh Điện Biên để xác định như sau:

Đất thương mại, dịch vụ tại đô thị = 26.090.000 đồng/m² x 80% = 20.872.000 đồng/m².

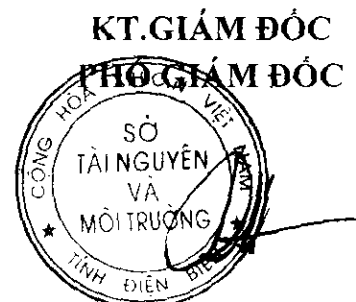
5.2. Đề xuất phương án giá đất:

Giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm cho thửa đất của Viễn thông Điện Biên - Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam tại địa bàn tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ là 20.872.000 đồng/m²;

6. Đánh giá tác động về kinh tế - xã hội của phương án giá đất

Giá đất cụ thể đề nghị tương đối phù hợp với giá thị trường, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, đảm bảo hài hòa lợi ích của người sử dụng đất và lợi ích của nhà nước.

Sở Tài nguyên và Môi trường trình Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh./.



Nguyễn Đăng Nam

Số: /QĐ-UBND

Điện Biên, ngày tháng 12 năm 2019

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt giá đất cụ thể giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đối với thửa đất của Viễn thông Điện Biên - Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam tại địa bàn tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 1 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Thông tư số 87/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thẩm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, thẩm định phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh Điện Biên Về việc cho phép gia hạn sử dụng đất thuê của Viễn thông Điện Biên - Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam tại địa bàn tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-STNMT ngày tháng 12 năm 2019 và Thông báo số /TB-HĐTĐGD ngày tháng 12 năm 2019 của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đối với thửa đất của Viễn thông Điện Biên - Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam tại địa bàn tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, như sau:

Giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm cho thửa đất của Viễn thông Điện Biên - Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam thuê tại tổ 10, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ là 20.872.000 đồng/m²;

Điều 2. Căn cứ giá đất cụ thể được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm xác định đơn giá cho thuê đất để tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm thửa đất của Viễn thông Điện Biên - Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam tại địa bàn tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Điện Biên Phủ; Giám đốc Viễn thông Điện Biên - Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Đ/c Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Chi cục QLĐĐ sở TN&MT
- Lưu: VP, TN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**